

Vĩ mô đầu tuần: Chỉ số PMI toàn cầu, số liệu kinh tế tháng 10/2025 của Việt Nam

Phạm Vũ Thăng Long
Giám Đốc Cấp Cao, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Tuần này, chính phủ Mỹ được dự báo sẽ tiếp tục bước sang tháng thứ hai đóng cửa, trì hoãn việc công bố các thông tin quan trọng, nhưng các NĐT vẫn sẽ theo dõi chỉ số niềm tin tiêu dùng, chỉ số PMI chính thức và lợi nhuận các doanh nghiệp.
- Tại khu vực Eurozone, thị trường sẽ chú ý tới chỉ số PMI để đánh giá tình hình kinh tế, trong khi tại Trung Quốc, thị trường dự báo thặng dư thương mại sẽ tăng lên gần 100 tỷ USD mặc dù chỉ số PMI cho thấy nhu cầu xuất khẩu suy yếu và hoạt động sản xuất giảm tốc. Tại châu Á, số liệu thương mại từ Indonesia & Đài Loan cũng cập nhật lạm phát tại các nền kinh tế lớn sẽ được công bố.
- Tại Việt Nam, KNXX và KNNK được dự báo sẽ tăng lần lượt 12,5% và 12,8%, trong khi lạm phát tổng thể có thể tăng nhẹ lên 3,45%.

Các số liệu kinh tế quan trọng trên toàn cầu

Tại Mỹ và khu vực Eurozone

Tuần này, tình trạng chính phủ Mỹ đóng cửa chưa có dấu hiệu được giải quyết và có khả năng kéo dài sang tháng thứ 2, trì hoãn hoạt động công bố các chỉ số kinh tế quan trọng. Tuy nhiên, chỉ số tâm lý tiêu dùng sơ bộ của Đại học Michigan và chỉ số PMI toàn cầu chính thức của S&P vẫn sẽ được công bố, trong khi mùa báo cáo KQKD vẫn đang thu hút sự chú ý của các bên tham gia thị trường. Trong khi đó, tại khu vực Eurozone, chỉ số PMI sẽ được theo dõi chặt chẽ để đánh giá tình hình hoạt động sản xuất & dịch vụ của khu vực.

Tại Trung Quốc và các quốc gia châu Á khác

Tại Trung Quốc, thặng dư thương mại tháng 10 dự báo tăng lên khoảng 100 tỷ USD, mặc dù chỉ số PMI sản xuất mới nhất của NBS cho thấy số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới sụt giảm. Chỉ số PMI sản xuất của RatingDog cũng nhiều khả năng sẽ xác nhận hoạt động sản xuất tiếp tục suy yếu, sự chú ý sẽ chuyển hướng sang chỉ số dịch vụ để tìm kiếm thông tin. Tại các quốc gia khác ở châu Á, Indonesia và Đài Loan sẽ công bố số liệu thương mại, trong khi báo cáo lạm phát từ Indonesia, Hàn Quốc, Philippines, Thái Lan và Đài Loan cũng sẽ được công bố.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 2/11.

Bảng 1: Các số liệu kinh tế vĩ mô quan trọng

Các số liệu kinh tế vĩ mô chính công bố trong tuần của Mỹ, EU, Trung Quốc và Việt Nam

Ngày	Sự kiện	Trước	Thực tế	Dự báo
31-10-25	Trung Quốc: PMI sản xuất (NBS) (T10-25)	49.8	49.0	49.6
	Trung Quốc: PMI dịch vụ (NBS) (T10-25)	50.0	50.1	50.0
	EU: Tỷ lệ lạm phát (T10-25, y/y %, sơ bộ)	2.2	2.1	2.1
3-11-25	Việt Nam: PMI sản xuất (T10-25)	50.4		51.0
	Trung Quốc: PMI sản xuất (T10-25)	51.2		50.9
	EU: PMI sản xuất (T10-25, chính thức)	49.8		50.0
	Mỹ: PMI sản xuất (T10-25, chính thức)	52.0		52.2
5-11-25	Trung Quốc: PMI dịch vụ (T10-25)	52.9		
	EU: PMI dịch vụ (T10-25, chính thức)	51.3		52.6
	Mỹ: PMI dịch vụ (T10-25, chính thức)	54.2		55.2
6-11-25	Việt Nam: KNXX (T10-25, y/y %)	24.7		12.5
	Việt Nam: KNNK (T10-25, y/y %)	24.9		12.8
	Việt Nam: Cán cân thương mại (T10-25, USD)	2.8 tỷ		2.2 tỷ
	Việt Nam: CPI (T10-25, y/y %)	3.38		3.45
	Việt Nam: Doanh số bán lẻ (T10-25, y/y %)	11.3		10.5
7-11-25	VN: Giá trị sản xuất công nghiệp (T10-25, y/y %)	13.6		11.0
	Trung Quốc: Cán cân thương mại (T10-25, USD)	90.5 tỷ		100 tỷ
	Trung Quốc: KNXX (T10-25, y/y %)	8.3		
	Trung Quốc: KNNK (T10-25, y/y %)	7.4		
	Mỹ: Niềm tin của người tiêu dùng (T11-25, sơ bộ)	53.6		

Nguồn: Investing.com, tradingeconomics.com, HSC

Việt Nam

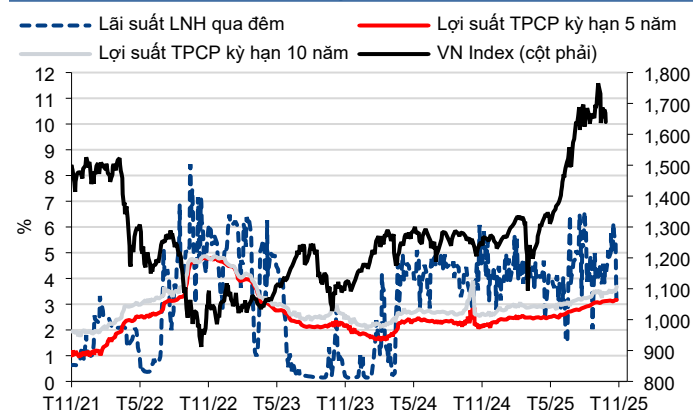
Trong tháng 10, HSC [dự báo](#) KNKK sẽ tăng 12,5% so với cùng kỳ lên 40,3 tỷ USD và KNNK sẽ tăng 12,8% so với cùng kỳ lên 38,1 tỷ USD, giảm nhẹ so với tháng 9 nhưng vẫn tiếp tục tăng trưởng hai chữ số. Trong khi đó, chúng tôi dự báo lạm phát tổng thể tháng 10 sẽ [tăng nhẹ](#) lên 3,45% so với cùng kỳ (từ 3,38% so với cùng kỳ trong tháng 9) nhờ đóng góp tăng từ các chỉ số phụ chính.

Cập nhật hàng tuần xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá

HSC cập nhật xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá trong Biểu đồ 2 và 3. Tuần trước, chỉ số VNIndex giảm 2,6% xuống 1.639,65 điểm, trong khi tỷ giá USD/VND giảm 0,019% xuống 26.212, tuần giảm thứ 5 liên tiếp. Lưu ý, tỷ giá trên thị trường tự do tăng lên mức cao kỷ lục 27,825, tương đương tăng 7,5% kể từ đầu năm, điều này cho thấy nhu cầu gia tăng đối với đồng USD trong giai đoạn cuối năm.

Biểu đồ 2: Lãi suất & diễn biến TT chứng khoán hàng tuần

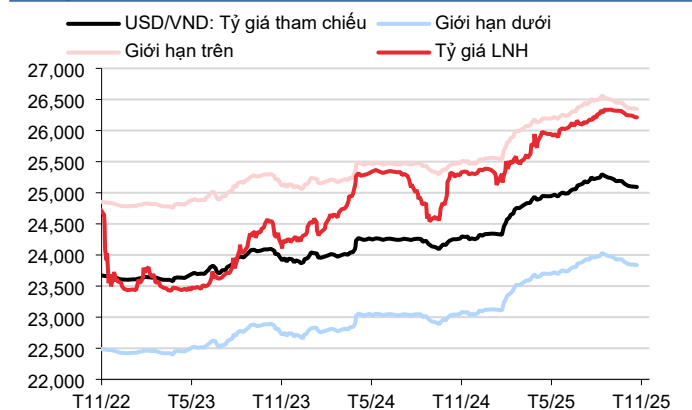
Chỉ số VN-Index giảm 2,6% so với tuần trước, đóng cửa ở mức 1.639,65 điểm, đánh dấu tuần giảm thứ ba liên tiếp



Nguồn: CEIC, HSC

Biểu đồ 3: Biến động tỷ giá USD/VND hàng tuần

Tỷ giá USD/VND (niêm yết tại VCB) giảm 0,019% xuống 26.212, tuần giảm thứ năm liên tiếp



Nguồn: CEIC, HSC

Bảng 4: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2019	2020	2021	2022	2023E	2024E	2025F	2026F	2027F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,600	27,000	27,000
Tỷ giá (VND: CNY)	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,619	3,673	3,649
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.36	2.87	2.58	8.10	5.05	7.09	7.60	7.10	8.00
GDP (tỷ USD)	332	346	370	411	433	476	502	530	571
GDP bình quân đầu người (USD)	3,398	3,558	3,757	4,132	4,317	4,702	4,911	5,134	5,490
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.51	5.48	3.59	2.46	2.63
Nợ công/GDP (%)	42.8	43.8	44.7	37.4	36.9	37.0	36.9	37.9	39.0
Nợ Chính phủ/GDP (%)	37.4	38.5	39.6	34.7	33.3	33.0	33.3	34.6	36.0
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.09	2.71	2.55	3.08	2.85	3.47	3.67	4.13	4.54
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	106.3	115.0	124.4	125.3	132.7	135.7	143.6	152.4	158.0
FDI giải ngân / FDI (%)	6.1	5.8	5.3	5.4	5.4	5.3	5.4	5.2	5.1
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.15	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.50	2.60	2.50
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.4	3.9	4.0
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.4	4.0	4.0
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	4.0	3.5	3.5
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	15.1	18.0	16.0	14.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	17,915	20,781	23,898	27,005
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	12.0	16.0	15.0	13.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	79	95	107	85	90	81	78	75	85
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	4.6	4.6	5.0	5.5
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.2	3.4	3.5
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.8	4.0	4.1
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.9	20.9	19.7	23.6
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	26.1	18.0	13.0	15.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	253	263	333	360	326	381	443	467	502
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	16.2	5.5	7.5
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	264	283	336	372	355	406	464	487	526
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.4	14.2	5.0	8.0
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	123	129	140	149	142	155	165	174	179
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.9	37.3	37.7	36.2	32.7	32.6	32.8	32.8	32.8
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	26.9	27.7	29.3
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	38.0	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	42.0	40.8	44.9
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	51.0	50.0	51.0
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	8.3	7.0	7.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	9.0	7.5	8.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo hàng năm (%)	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	10.5	6.5	9.5
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	10.0	11.0	12.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn